TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỀN HẢI** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 12 - 2022
V/v: tranh chấp Hôn nhân và gia đình (Hoàng – Thủy)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Văn Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Trần Văn Hiểu**

+ Ông **Vũ Văn Quảng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thảo** - Thư ký TAND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông **Phạm Minh Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST - HNGĐ ngày 12/10/2022 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXX-ST ngày 02/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức H**- sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn C.T, xã Đ.T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị **Phạm Thị Thu T**- sinh năm 1997

Địa chỉ: thôn T.L, xã Đ.M, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

(anh H có đơn xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:**

Về hôn nhân: anh và chị Phạm Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ.T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 19/12/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có con chung, khi đi khám thì chị T không có khả năng sinh đẻ. Mặt khác chị T đi làm có quan hệ ngoài luồng với người khác và nhiều lần bỏ đi. Mặc dù được gia đình hai bên vun vén nhưng chị T không thay đổi. Đến giữa năm 2020 cho đến nay chị T bỏ nhà đi cũng từ thời điểm này anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị Thu T.

Về con chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai bà Lê Thị K là mẹ đẻ chị Phạm Thị Thu T, bà trình bày:** Gia đình bà và chị T có biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa anh H, chị T. Hiện chị T đang làm ăn tại B.N, địa chỉ cụ thể như thế nào gia đình không biết. Gia đình đã thông báo lại cho chị T tuy nhiên do chị T bận công việc nên không về Tòa án để làm việc được.

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm cũng như điều kiện kết hôn như anh H trình bày ở trên. Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống tại gia đình anh H ở xã Đ.T. Quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì mà chỉ do chị T khó có con nên vợ chồng nảy sinh cãi chửi nhau dẫn đến việc chị T bỏ về nhà bà sinh sống. Nay anh H khởi kiện ra Tòa án giải quyết ly hôn với chị T, quan điểm của gia đình: đây là hôn nhân của anh H, chị T nên do anh, chị quyết định.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Gia đình không nắm được chị T, anh H có tài sản chung, nợ chung hay không.

*** Biên bản xác minh tại UBND xã Đ.T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình:**

Anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Thị Thu T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã ngày 19/12/2014; Anh, chị không có con chung. Quá trình chung sống anh, chị có mâu thuẫn hay không và nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm bắt được. Nay anh H đề nghị ly hôn chị T, địa phương đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Đối với tài sản của vợ chồng anh, chị địa phương không nắm được cụ thể như thế nào.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho người bị kiện. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản chấp hành pháp luật tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do . Do đó Tòa án tiếp tục xét xử và xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Thị Thu T là hợp pháp. Do hôn nhân giữa anh H, chị T không thể hàn gắn, thực tế hôn nhân không còn tồn tại , mục đích hôn nhân không đạt được . Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức H, xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Phạm Thị Thu T.

+ Về quan hệ con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

+ Về quan hệ tài sản : Không đặt ra giải quyết trong vụ án này , vấn đề tài sản được đặt ra giải quyết khi một trong các bên đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Thị Thu T là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình do đó yêu cầu khởi kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình là đúng với quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Đức H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ; chị Phạm Thị Thu Thủy đã được Tòa án triệu tậ p hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do vì vậ y Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ.T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 19/12/2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc cùng nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh H là do anh chị không có con chung, khi đi khám thì chị T không có khả năng sinh đẻ. Mặt khác chị T khi đi làm có quan hệ ngoài luồng với người khác và nhiều lần bỏ đi. Theo gia đình chị T thì anh chị chung sống hạnh phúc , không có mâu thuẫn mà chỉ do chị T khó có con nên vợ chồng nảy sinh cãi chửi nhau dẫn đến việc chị T bỏ về nhà bà sinh sống. Như vậy có đủ cơ sở xác định giữa anh H, chị T đã phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến việc anh, chị sống ly thân nhau. Điều này chứng tỏ anh, chị không còn tình cảm dành cho nhau , hôn nhân đã không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức H, xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Phạm Thị Thu T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: anh Nguyễn Đức H trình bày vợ chồng không có tài sản chung. Mẹ chị T trình bày không nắm được anh H, chị T có tài sản chung, nợ chung hay không. Mặt khác chưa có trình bày của chị T về tài sản chung giữa anh chị. Do đó vấn đề tài sản không đặt ra g iải quyết trong vụ án này v à được đặt ra giải quyết khi một trong các bên đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Phạm Thị Thu T

2. Về quan hệ con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000đ anh Nguyễn Đức Hoàng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002495 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 12/10/2022 sang thi hành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Đức H, chị Phạm Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Lợi

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện Tiền Hải;
- THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã Đông Trung, h. Tiền Hải;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Hiểu **Vũ Văn Quảng** **Vũ Văn Lợi**